

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2021/HS-ST  
Ngày 01 tháng 6 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VINH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mầu Văn Mùi

*Các Hội thẩm Nhân dân:* Ông Sái Văn Trọng và bà Nguyễn Thị Thúy Nga

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án Nhân dân  
thành phố V

***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:*** Ông  
Nguyễn Huy Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2021/HS-ST ngày 10 tháng 5  
năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 74/2021/HSST-QĐ ngày  
20 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

**Nguyễn Đức D**, sinh ngày 14/3/1990; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố  
M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới  
tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12;  
Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Hữu B và bà Phùng Thị M; có vợ là Bùi  
Thị Q và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/01/2021  
cho đến nay (có mặt).

**Bị hại:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố T,  
phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn L,  
huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1952; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường K,  
thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường K,  
thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Bà Phùng Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường K,  
thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường  
K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

***Người làm chứng:***

- Anh Phùng Văn K, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Đường Vinh T, sinh năm 1983, nơi cư trú : Tổ dân phố T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Anh Lương Duy H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái để phục vụ đi lại nên ngày 19/11/2019, Nguyễn Đức Đ gọi điện thoại cho anh Phùng Văn K nhờ tìm hộ chỗ thuê xe ô tô tự lái. Khoảng 19 giờ cùng ngày, anh Kiên gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn H nói có đưa em tên là Đ có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái, anh H đồng ý và nói lại với anh Kiên là bảo Đ liên lạc trực tiếp với anh H. Ngày 23/11/2019, Đ gọi điện thoại cho anh H hỏi thuê 01 xe ô tô tự lái để làm phương tiện đi lại thì anh H đồng ý và hẹn Đ đến quán nước gần nhà anh H để gặp trao đổi việc thuê xe. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đ gọi điện thoại cho anh K nhờ anh K đến quán nước tại đường N, phường K, thành phố V của anh Đường Vinh T để cùng gặp anh H nhờ nói giúp việc thuê xe, anh K đồng ý. Một lúc sau, Đ đến quán nước thì gặp anh Kiên đang ngồi uống nước với anh H trong quán. Tại đây, Đ và anh H thỏa thuận miệng với nhau, anh H cho Đ thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, màu sơn bạc, BKS: 88A- 203.79, thời hạn 01 tháng kể từ ngày 23/11/2019 đến ngày 23/12/2019 với giá là 14.000.000đ/tháng, Đ viết cho anh H 01 giấy mượn xe ô tô trên và hẹn đến ngày 23/12/2019 sẽ trả lại xe (anh Thịnh ký người chứng kiến sự việc). Sau đó, Đ đưa cho anh H số tiền 14.000.000đ để trả tiền thuê xe 01 tháng, kèm theo 01 Giấy phép lái xe và 01 Căn cước công dân (đều là bản photocopy mang tên Nguyễn Đức Đ) rồi anh H bàn giao cho Đ xe ô tô trên kèm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô bản photocopy.

Sau khi thuê được xe ô tô, Đ sử dụng xe làm phương tiện đi lại cá nhân. Ngày 27/11/2019, Đ nảy sinh ý Đ mang xe ô tô trên đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân nên Đ gọi điện thoại cho anh Lương Duy H (bạn Đ) nhờ anh H xem có ai nhận cầm cố xe ô tô thì giới thiệu cho Đ, anh H đồng ý và bảo Đ đến thị trấn L, huyện L gặp anh H. Sau đó, Đ một mình điều khiển xe ô tô BKS: 88A - 203.79 đến đón anh H rồi cả hai cùng đến Cửa Hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ của anh Nguyễn Văn Q (bạn anh H) gặp anh Q. Khi đến nơi, anh H trao đổi với anh Q có đưa bạn muốn cầm cố xe ô tô BKS: 88A - 203.79, anh Q đồng ý và hỏi Đ nguồn gốc của xe ô tô này thì Đ nói dối xe ô tô trên là của bố Đ đã giao cho Đ quản lý, sử dụng nên anh Q tin tưởng nhận cầm cố xe ô tô với số tiền 90.000.000đ. Sau khi cầm cố xe ô tô, Đ đã tiêu sài hết số tiền trên dẫn đến không có khả năng chuộc lại xe ô tô đem về trả cho anh H. Khi

hết thời hạn thuê xe ô tô, anh H yêu cầu Đ trả lại xe nhiều lần nhưng Đ không trả. Sau đó Đ bỏ trốn tắt máy không liên lạc được. Anh H có đơn trình báo Công an đề nghị giải quyết.

Khoảng tháng 4/2020, Đ nhắn tin qua điện thoại cho chị Bùi Thị Q (vợ Đ) với nội dung: “*Anh mượn xe của người ta đi cấm rồi, bảo bố mẹ chuộc cho anh*”. Ngày 02/5/2020, chị Nguyễn Thị Thu U (chị Đ) đến gặp anh Q và đưa cho anh Q số tiền 90.000.000đ để chuộc lại xe ô tô BKS: 88A-203.79 rồi mang xe về bàn giao lại cho anh H.

Tại Kết luận Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 71/KL-HĐĐG ngày 20/5/2020 của Hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND tHnh phố V kết luận: “*01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, màu sơn bạc, BKS: 88A-203.79, số máy: G4LAHM576549, số khung: WIDAHN006439, đăng ký lần đầu ngày 17/5/2018, Đ giá trên hồ sơ, trị giá 290.000.000đ*”.

Tại Cáo trạng số: 74/CT-VKSTP.VY ngày 07/5/2021, Viện kiểm sát Nhân dân tHnh phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức Đ khai nhận Hnh vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã khai nhận như nội dung cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết Đ truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Đ phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức Đ tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ

căn cứ để kết luận:

Do có nhu cầu thuê xe ô tô tự lái để đi lại nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 23/11/2019 tại đường N, phường K, tHnh phố V, Nguyễn Đức Đ thuê của anh Nguyễn Văn H 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, BKS: 88A - 203.79. Sau khi thuê được xe ô tô, Đ sử dụng xe làm phương tiện đi lại. Ngày 27/11/2019, Đ nảy sinh ý Đ chiếm đoạt xe ô tô trên nên Đ mang xe ô tô đến cầm cố cho anh Nguyễn Văn Quy lấy số tiền 90.000.000đ rồi tiêu sài cá nhân hết số tiền này dẫn đến không có khả năng trả lại xe ô tô cho anh H. Giá trị tài sản theo kết luận Đ giá là 290.000.000đ.

Hnh vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức Đ đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy Đ tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy Đ:

*“1. Người nào thực hiện một trong các Hnh vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: .....*

*b, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.*

*3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.”*

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 12 năm tù nên theo quy Đ tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Hnh vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Bị cáo là người có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động, rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân đã lao vào con đường phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đã tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện Hnh vi phạm tội đã tích cực tác động gia đình khắc phục hậu quả, thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy Đ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị

cáo. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy Đ tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác Đ bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn Đ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về Hình vi, quyết Đ tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về Hình vi, quyết Đ của người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hình vi, quyết Đ tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với người liên quan:

Đối với anh Nguyễn Văn Q là người nhận cầm cố xe ô tô BKS: 88A- 203.79. Quá trình điều tra xác Đ, khi cầm cố xe ô tô, bị cáo Đ nói là xe của bố bị cáo giao cho bị cáo quản lý, sử dụng nên anh Q tin tưởng nhận cầm cố xe và không biết đó là tài sản do bị cáo đi thuê mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Q là phù hợp.

Đối với anh Lương Duy H là người đưa bị cáo đến gặp anh Q để cầm cố xe ô tô nhưng bị cáo không nói cho anh H biết nguồn gốc của chiếc xe nên anh H không biết xe ô tô trên do bị cáo đi thuê mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H là phù hợp.

Đối với anh Phùng Văn K là người hỏi anh H về việc thuê xe ô tô giúp bị cáo nhưng bị cáo nói cho với anh K mục đích thuê xe ô tô để làm phương tiện đi lại. Sau đó bị cáo nảy sinh ý Đ mang xe ô tô đi cầm cố như nào anh K không biết, bị cáo cũng không trao đổi gì với anh K. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh K là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10, BKS: 88A-203.79 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn B (bố anh H). Ông B giao cho anh H quản lý, sử dụng. Ngày 22/5/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cho ông B, anh H yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức Đ phải trả cho anh số tiền 20.000.000đ là tiền thuê xe ô tô còn thiếu. Ngày 03/5/2020, ông Nguyễn Hữu B và bà Phùng Thị M (bố mẹ bị cáo) đã tự nguyện bồi thường số tiền này cho anh H. Sau khi nhận đủ số tiền trên, anh H không có yêu cầu hay đề nghị bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo Nguyễn Đức Đ sử dụng liên lạc với anh Lương Duy H để nhờ tìm chỗ cầm cố xe ô tô. Quá trình điều tra bị cáo khai nhận đã làm mất điện thoại này, do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 90.000.000đ (chị Nguyễn Thị Thu U đã trả cho anh Nguyễn Văn Q để chuộc lại xe ô tô BKS: 88A-203.79 do Đ cầm cố) và số tiền 20.000.000đ ông Nguyễn Hữu B và bà Phùng Thị M trả tiền thuê xe cho anh H là tiền của ông B, bà M tự nguyện khắc phục hậu quả thay bị cáo và ông bà không có yêu cầu gì đối với khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 06 (sáu) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/01/2021).

2. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức Đ phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Màu Văn Mùi**